

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BẢNG KÊ CHI TIẾT**

(Kèm theo Thông báo công khai việc đấu giá tài sản ngày 02/4/2025)

Phần 1. Chi tiết theo từng Quyết định:

TT	Quyết định xử lý		Tên gỗ	Nhóm gỗ	Quy cách	ĐV tính	Khối lượng	Số lượng
	Số Quyết định	Ngày						
1	489/QĐ-TT	13/6/2024	Vạng	7	Hộp	m ³	1,770	13
			Máu chó	6	Hộp	m ³	0,386	3
2	487/QĐ-TT	06/5/2024	Sâng	6	Hộp	m ³	0,329	8
3	490/QĐ-TT	24/7/2024	Giẻ	5	Hộp	m ³	0,191	2
			Trám hồng	6	Hộp	m ³	0,412	4
			Vạng	7	Hộp	m ³	0,621	6
4	488/QĐ-TT	30/5/2024	Sâng	6	Hộp	m ³	1,635	10
			Cà ổi	3	Hộp	m ³	0,550	6
			Táu	2	Hộp	m ³	0,590	14
5	491/QĐ-TT	11/10/2024	Dầu rái	5	Hộp	m ³	0,104	4
			Trám hồng	6	Hộp	m ³	0,139	5
6	580/QĐ-XPHC	16/5/2024	Keo		Lóng	m ³	2,916	50
7	421/QĐ-XPHC	11/10/2024	Chua	3	Hộp	m ³	0,090	3
8	423/QĐ-XPHC	25/10/2024	Bộp	8	Hộp	m ³	0,262	3
9	422/QĐ-XPHC	25/10/2024	Bộp	8	Hộp	m ³	0,212	2
10	428/QĐ-XPHC	3/12/2024	Táu	2	Lóng	m ³	2,782	8
11	431/QĐ-XPHC	20/01/2025	Sâng	6	Hộp	m ³	1,093	4
12	496/QĐ-TT	09/01/2025	Bộp	8	Hộp	m ³	2,090	20
13	497/QĐ-TT	24/01/2025	Giẻ	5	Hộp	m ³	0,592	6
			Trám trắng	7	Hộp	m ³	0,307	3
			Vạng	7	Hộp	m ³	1,060	10
14	493/QĐ-TT	21/11/2024	Hoàng linh	5	Hộp	m ³	0,597	5
			Trám hồng	6	Hộp	m ³	0,426	4
			Bộp	8	Hộp	m ³	1,847	19
15	495/QĐ-TT	19/12/2024	Lòng mang	6	Hộp	m ³	2,381	22
			Kháo vàng	6	Hộp	m ³	0,168	2
			Bộp	8	Hộp	m ³	0,178	2
			Gội	4	Hộp	m ³	0,599	6
16	578/QĐ-XPHC	02/04/2024	Lan Hoàng thảo			kg	7	
Tổng cộng							24,327	244

Phần 2. Chi tiết theo từng chủng loại, kích thước:

TT	Tên gỗ	Nhóm	Khối lượng		
			Gỗ tròn (m ³)	Gỗ hộp (m ³)	Thực vật rừng ngoài gỗ (kg)
1	Táu	II		0,590	
			2,782		
2	Chua, Cà ổi	III		0,640	
3	Gội	IV		0,599	
4	Giẻ, Dầu rái, Hoàng linh	V		1,484	
5	Sâng, Trám hồng, Máu chó, Lòng mang, Kháo vàng	VI		6,969	
6	Vạng, Bộp, Trám trắng	VII, VIII		8,347	
7	Keo		2,916		
8	Lan Hoàng thảo				7
Tổng cộng:			5,698	18,629	7

